TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 03/8/2020.
"V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà LÂM BÉ NHI**
- *Các Hội thẩm nhân dân* 1/ **Ông DANH ON**
2/ **Bà NGUYỄN THỊ HIẾU**

- Thư ký phiên tòa: **Bà THÁI KIM PHƯƠNG** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: **Ông DƯƠNG MINH KHA** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 59/2020/TLST–HNGĐ, ngày 02 tháng 03 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST–HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị D,** sinh năm 1994
Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.
2. Bị đơn: Anh **Hàng Văn T,** sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Trần Thị D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Hàng Văn T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2020 và tại bản tự khai ngày 02/03/2020 nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Hàng Văn T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 03/11/2017. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng hơn 01 năm nay. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hàng Văn T.

Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị D xác định trong quá trình chung sống, giữa chị D và anh T có 01 người con chung là cháu Trần Gia Bảo, sinh ngày 25/02/2019. Hiện tại cháu Trần Gia Bảo đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được nuôi cháu Trần Gia Bảo và chị không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Bảo.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị D xác định giữa chị D và anh Hàng Văn T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn anh Hàng Văn T: Tòa án có tiến hành giao thông báo thụ lý và tiến hành lấy lời khai đối đối với anh Hàng Văn T nhưng anh Hàng Văn T không có mặt ở địa phương nên không thể tiến hành giao thông báo thụ lý và không thể tiến hành lấy lời khai đối với anh T. Bên cạnh đó, Tòa án có tiến hành niêm yết các thủ tục theo qui định pháp luật do anh T không có mặt ở địa phương. Chính quyền địa phương cũng xác định, anh T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu và hiện tại không có ở địa phương nhưng lâu lâu anh T có về địa phương một lần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn anh Hàng Văn T;

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Gia Bảo, sinh ngày 25/02/2019 cho chị Trần Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Bảo nên không đặt ra xem xét giải quyết;

3. Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Hàng Văn T và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Hàng Văn T có nơi đăng ký thường trú tại ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Trần Thị D tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị D. Bị đơn anh Hàng Văn T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Hàng Văn T.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 03/11/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống đến nay, chị D xác định giữa chị và anh T có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị D không thể hàn gắn với anh T được nữa. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng hơn 01 năm nay. Nay chị D nhận thấy

tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh được biết giữa chị D và anh T có phát sinh mâu thuẩn, vợ chồng lúc sống chung thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng hơn 01 năm nay. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Hàng Văn T.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị D xác định giữa chị D và anh Hàng Văn T có 01 người con chung là cháu Trần Gia Bảo, sinh ngày 25/02/2019. Hiện tại cháu Bảo đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Bảo hiện đang sống ổn định với chị D. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 3, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Trần Gia Bảo, sinh ngày 25/02/2019 cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Bảo nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị D xác định giữa chị D và anh Hàng Văn T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn anh Hàng Văn T.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Gia Bảo, sinh ngày 25/02/2019 cho chị Trần Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Bảo nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị D đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002969 ngày 02/03/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi